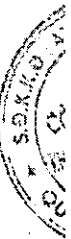


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 29

Số: 332/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2014, từ trang 2 đến trang 29. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thoả thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính riêng đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính riêng quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.



Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 13 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Thuyết Mã số minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		5.124.824.124.852		2.736.899.674.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.798.571.415.732		271.101.871.816
1. Tiền	111		495.971.415.732		206.101.871.816
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.302.600.000.000		65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.948.632.549.116		2.115.731.754.812
1. Phải thu khách hàng	131		2.266.527.501.300		1.864.494.754.620
2. Trả trước cho người bán	132		54.482.735.136		43.636.492.864
3. Các khoản phải thu khác	135	6	627.823.585.128		207.799.789.632
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(201.272.448)		(199.282.304)
III. Hàng tồn kho	140	7	329.219.100.756		290.610.272.220
1. Hàng tồn kho	141		329.219.100.756		290.610.272.220
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.401.059.248		59.455.775.424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.804.094.536		31.393.003.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.209.888.176		22.236.014.456
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.387.076.536		5.826.757.968
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		11.417.307.974.472		11.973.828.331.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		848.696.178.876		2.064.792.944.320
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	848.696.178.876		2.064.792.944.320
II. Tài sản cố định	220		8.498.532.661.596		8.990.702.207.536
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.347.692.424.860		8.823.635.550.052
- Nguyên giá	222		11.489.866.481.616		11.303.626.676.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.142.174.056.756)		(2.479.991.126.368)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	150.513.884.232		143.196.832.224
- Nguyên giá	228		211.753.529.820		191.074.634.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.239.645.588)		(47.877.802.644)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	326.352.504		23.869.825.260
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.020.936.135.032		733.210.458.392
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	1.336.606.530.216		566.702.199.588
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	668.550.480.180		133.283.683.140
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	33.429.317.328		33.224.575.664
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(17.650.192.692)		-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		49.142.998.968		185.122.721.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	36.424.843.728		168.934.554.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		2.743.776.580
3. Tài sản dài hạn khác	268		12.718.155.240		13.444.390.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.542.132.099.324		14.710.728.005.968

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN-ĐÀU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

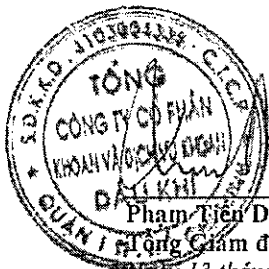
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết		31/12/2013	31/12/2012
	Mã số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.072.856.257.476	7.984.192.669.124
I. Nợ ngắn hạn	310		3.858.248.226.696	3.576.125.631.580
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	1.410.405.509.244	1.752.497.599.900
2. Phải trả người bán	312		637.125.451.896	814.157.563.960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	262.952.334.996	199.348.162.136
4. Phải trả người lao động	315		65.951.373.012	41.760.868.980
5. Chi phí phải trả	316	17	1.196.487.816.780	506.385.602.924
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	18	95.163.624.456	156.517.275.484
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	19	75.463.810.140	71.828.169.780
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		114.698.306.172	33.630.388.416
II. Nợ dài hạn	330		3.214.608.030.780	4.408.067.037.544
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	2.838.460.622.172	4.206.854.144.568
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	10.995.371.964
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.048.308.024	2.421.859.012
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	21	375.099.100.584	187.795.662.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		9.469.275.841.848	6.726.535.336.844
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	9.469.275.841.848	6.726.535.336.844
1. Vốn điều lệ	411		2.755.286.950.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.446.049.927.854	1.382.130.231.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.963.553.191)	(15.407.860.950)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		829.379.758.528	765.998.167.531
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		537.326.744.072	382.125.892.639
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		285.673.645.424	223.969.365.854
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.627.522.369.161	1.882.637.389.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.542.132.099.324	14.710.728.005.968

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại		
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")	7.145	-
Đô la Singapore ("SGD")	19.751	13.289
Dinars Algeria ("DZD")	64.744.136	63.593.207



Ngày 13 tháng 3 năm 2014

[Handwritten signature]

Hồ Ngọc Yên Phương
 Phó Tổng Giám đốc

[Handwritten signature]

Đoàn Đức Tùng
 Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

002
 NH
 TY
 HUU
 TE
 AM
 OC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.775.027.505.795	1.158.041.048.912
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	662.683.398.550	663.868.089.584
Các khoản dự phòng	03	17.565.448.945	7.339.745.544
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(6.126.816.165)	293.049.960
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(587.603.580.000)	(339.244.256.232)
Chi phí lãi vay	06	113.622.891.155	184.239.489.280
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động			
Biến động các khoản phải thu	09	(71.565.815.995)	(118.669.404.520)
Biến động hàng tồn kho	10	(35.535.124.610)	(46.321.367.860)
Biến động các khoản phải trả	11	743.286.100.385	915.904.405.932
Biến động chi phí trả trước	12	143.693.108.690	(35.598.717.728)
Tiền lãi vay đã trả	13	(130.864.056.950)	(201.981.716.940)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(168.710.789.585)	(87.133.604.752)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(112.845.511.800)	(72.178.142.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.342.626.688.415	2.028.558.618.516
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(79.674.046.170)	(113.168.854.688)
2. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(561.478.605.085)	(98.953.411.440)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	368.928.209.860	166.310.080.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(272.224.441.395)	(45.812.185.744)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	1.463.919.696.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.510.863.120)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	314.025.000.000	1.117.984.118.612
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.075.525.732.375)	(2.805.852.788.588)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(247.884.694.124)	(312.192.287.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(545.465.730.499)	(2.001.571.820.572)
Lưu chuyển tiền trong năm (50=20+30+40)	50	1.524.936.516.521	(18.825.387.800)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	271.101.871.816	287.966.324.244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	5.341.146.550	1.960.935.372
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	(2.808.119.155)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	<u>1.798.571.415.732</u>	<u>271.101.871.816</u>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ-KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: Đồng

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 10.824.755.775 đồng (2012: 11.671.386 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định trên đã bao gồm 11.671.386 đồng (2012: 50.481.052.708 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm trước được thanh toán trong năm nay.

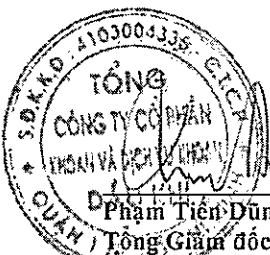
Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 338.203.701.349 đồng (2012: 196.082.623.328 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 196.082.623.328 đồng (2012: 152.368.129.604 đồng) là số tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 12.499.277.549 đồng là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (2012: 1.369.024.440 đồng). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 1.369.024.440 đồng (2012: 1.588.155.828 đồng) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 66.633.739.345 đồng (2012: 289.263.658.708 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác không bao gồm số tiền 664.000.000.000 đồng là tiền đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD bằng cách cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của cổ đông không bao gồm số tiền 250.204.800.000 đồng là cổ tức năm 2012 đã trả cho cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

250i
NH
NG
HIEN
OI
TN
P.F

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101. Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng Đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính riêng bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

002
NH
TY
QUẢN
TRỊ
CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Báo cáo tài chính riêng quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính riêng được lập bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam (“VNĐ”) theo nguyên tắc: đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 21.036 VNĐ/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.828 VNĐ/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 20.935 VNĐ/USD (năm 2012: 20.828 VNĐ/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá vốn ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư số 89.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

11/2
CHI
CỔ
PHẦN
RIÊNG
QUY
ĐỔI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo cáo. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật đảm bảo hoạt động của các giàn khoan phải được sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm một lần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

00-00
NHÂN
G TY
KH
TTI
NAM
HOC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh - CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

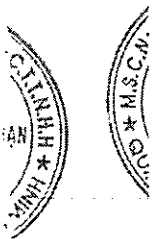
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	2.952.591.924	1.364.796.356
Tiền gửi ngân hàng	493.018.823.808	204.737.075.460
Các khoản tương đương tiền	1.302.600.000.000	65.000.000.000
	<u>1.798.571.415.732</u>	<u>271.101.871.816</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con	526.736.159.964	153.265.337.360
Phải thu chi phí trả hộ từ công ty liên doanh		
PVD-Baker Hughes	1.597.200.372	1.605.693.004
Phải thu từ công ty liên doanh PV Drilling Overseas	839.020.860	-
Phải thu lãi tiền gửi	12.559.585.872	1.369.024.440
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	80.813.222.868	42.817.306.796
Các khoản phải thu khác	5.278.395.192	8.742.428.032
	<u>627.823.585.128</u>	<u>207.799.789.632</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	622.665.600	825.351.156
Nguyên liệu, vật liệu	327.363.809.700	289.326.830.032
Công cụ, dụng cụ	1.232.625.456	458.091.032
	<u>329.219.100.756</u>	<u>290.610.272.220</u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD ("PVD DeepWater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

 001
 CI
 C
 MCT
 DI
 V
 /

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	238.042.524.676	10.972.630.703.920	53.657.156.084	38.274.824.136	1.021.467.604	11.303.626.676.420
Tăng trong năm	10.819.187.065	71.300.318.325	4.592.343.470	-	-	86.711.848.860
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.637.341.365	119.078.280	-	-	8.756.419.645
Phân loại lại	(154.877.130)	(443.487.040)	(11.234.516.530)	(86.042.850)	-	(11.918.923.550)
Thanh lý	-	-	(2.166.290.995)	-	-	(2.166.290.995)
Chênh lệch tỷ giá	1.981.070.629	102.006.939.866	479.729.359	378.810.438	10.200.944	104.856.751.236
Tại ngày 31/12/2013	<u>250.687.905.240</u>	<u>11.154.131.816.436</u>	<u>45.447.499.668</u>	<u>38.567.591.724</u>	<u>1.031.668.548</u>	<u>11.489.866.481.616</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	41.179.642.812	2.376.839.873.184	37.513.644.048	24.107.306.116	350.660.208	2.479.991.126.368
Khấu hao trong năm	7.240.327.880	628.672.439.420	8.424.432.415	5.262.493.755	256.684.035	649.856.377.505
Phân loại lại	(102.769.915)	(299.621.720)	(8.227.894.635)	(17.271.375)	-	(8.647.557.645)
Thanh lý	-	-	(2.166.290.995)	-	-	(2.166.290.995)
Chênh lệch tỷ giá	21.318.443	22.497.926.640	353.327.945	263.088.248	4.740.249	23.140.401.523
Tại ngày 31/12/2013	<u>48.338.519.220</u>	<u>3.027.710.617.524</u>	<u>35.897.218.776</u>	<u>29.615.616.744</u>	<u>612.084.492</u>	<u>3.142.174.056.756</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u>202.349.386.020</u>	<u>8.126.421.198.912</u>	<u>9.550.280.892</u>	<u>8.951.974.980</u>	<u>419.584.056</u>	<u>8.347.692.424.860</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>196.862.881.864</u>	<u>8.595.790.830.736</u>	<u>16.143.512.036</u>	<u>14.167.518.020</u>	<u>670.807.396</u>	<u>8.823.635.550.052</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình tổng hợp báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng dinar Algeria và chuyển đổi báo cáo từ Đồng đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 6.665.268.001.512 đồng (2012: 7.178.986.046.843 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 82.022.077.644 đồng (2012: 37.913.208.400 đồng).

Trong năm, Tổng Công ty có thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	127.507.308.104	30.228.821.940	33.338.504.824	191.074.634.868
Tăng trong năm	-	615.677.415	-	615.677.415
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	18.070.798.910	-	18.070.798.910
Chênh lệch tỷ giá	1.273.358.944	386.122.819	332.936.864	1.992.418.627
Tại ngày 31/12/2013	<u>128.780.667.048</u>	<u>49.301.421.084</u>	<u>33.671.441.688</u>	<u>211.753.529.820</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	10.215.509.160	22.047.187.808	15.615.105.676	47.877.802.644
Khấu hao trong năm	2.207.993.515	4.762.210.060	5.856.817.470	12.827.021.045
Chênh lệch tỷ giá	112.670.129	237.954.672	184.197.098	534.821.899
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.536.172.804</u>	<u>27.047.352.540</u>	<u>21.656.120.244</u>	<u>61.239.645.588</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	<u>116.244.494.244</u>	<u>22.254.068.544</u>	<u>12.015.321.444</u>	<u>150.513.884.232</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>117.291.798.944</u>	<u>8.181.634.132</u>	<u>17.723.399.148</u>	<u>143.196.832.224</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	-	9.542.889.728
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	171.990.336	5.530.188.076
Khác	154.362.168	8.796.747.456
	<u>326.352.504</u>	<u>23.869.825.260</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, tòa nhà Vicom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 30.000.000.000 đồng tương đương với 1.438.091 đô la Mỹ.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cứu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Deep Water"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deep Water đặt tại lầu 5, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

002
NH
TY
DƯ
TE
M
CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Bảo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD DeepWater với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 664.000.000.000 đồng tương đương với 34.892.244 đô la Mỹ.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký VNĐ	Giá trị khoản đầu tư				sở hữu %
		31/12/2013 VNĐ	USD	31/12/2012 VNĐ	USD	
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	4.393.822	80.000.000.000	4.393.822	100
PVD Well	80.000.000.000	80.000.000.000	4.081.469	50.000.000.000	2.643.378	100
PVD Logging	80.000.000.000	80.000.000.000	4.236.959	80.000.000.000	4.236.959	100
PVD Tech	200.000.000.000	194.000.000.000	10.038.600	194.000.000.000	10.038.600	97
PVD Training	28.958.670.000	19.755.753.400	1.096.066	19.755.753.400	1.096.066	52
PVD DeepWater	764.000.000.000	764.000.000.000	39.692.090	100.000.000.000	4.799.846	100
Chênh lệch tỷ giá	-	118.850.776.816	-	42.946.446.188	-	
		1.336.606.530.216	63.539.006	566.702.199.588	27.208.671	

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

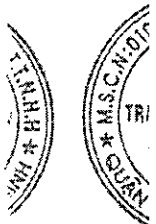
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan.

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
BJ-PVD	49.971.683.140	49.971.683.140
PVD-Baker Hughes	214.039.000.000	83.312.000.000
PVD Overseas	405.889.970.000	-
Chênh lệch tỷ giá	(1.350.172.960)	-
	668.550.480.180	133.283.683.140



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.429.317.328	3.224.575.664
	<u>33.429.317.328</u>	<u>33.224.575.664</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.650.192.692)	-
	<u>15.779.124.636</u>	<u>33.224.575.664</u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech, một công ty con của Tổng Công ty.

Trong năm Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí với mức trích lập dự phòng là phần chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	28.088.297.964	58.149.380.780
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	2.625.944.916	12.407.614.504
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling I	-	3.768.014.308
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	-	93.206.216.432
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.710.600.848	1.403.328.156
	<u>36.424.843.728</u>	<u>168.934.554.180</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	151.958.552.568	98.144.077.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.102.530.136	44.159.546.428
Thuế thu nhập cá nhân	43.986.970.188	17.969.690.248
Các loại thuế khác	30.904.282.104	39.074.848.444
	<u>262.952.334.996</u>	<u>199.348.162.136</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng công ty:

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch	31/12/2013
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	tỷ giá VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	98.144.077.016	619.310.893.600	566.730.212.640	1.233.794.592	151.958.552.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.159.546.428	160.253.572.960	168.710.789.585	400.200.333	36.102.530.136
Thuế thu nhập cá nhân	17.969.690.248	477.939.204.255	452.225.434.610	303.510.295	43.986.970.188
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các loại thuế khác	39.074.848.444	442.011.918.030	450.531.604.695	349.120.325	30.904.282.104
	<u>199.348.162.136</u>	<u>1.699.520.588.845</u>	<u>1.638.203.041.530</u>	<u>2.286.625.545</u>	<u>262.952.334.996</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU-KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

- Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan	976.915.331.976	422.389.049.048
Trích trước chi phí lãi vay	34.705.255.908	54.032.559.956
Trích trước phí quản lý Petro Việt Nam	17.770.055.820	7.748.620.012
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	156.450.769.332	-
Các khoản khác	10.646.403.744	22.215.373.908
	<u>1.196.487.816.780</u>	<u>506.385.602.924</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải trả nội bộ cho các công ty con	66.136.868.460	141.953.379.796
Các khoản phải trả khác	23.457.075.312	9.276.562.092
Cổ tức phải trả	5.569.680.684	5.287.333.596
	<u>95.163.624.456</u>	<u>156.517.275.484</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN**Vay ngắn hạn**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	-	326.984.416.388
Vay dài hạn đến hạn trả	1.410.405.509.244	1.425.513.183.512
	<u>1.410.405.509.244</u>	<u>1.752.497.599.900</u>

Vay dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản vay dài hạn	4.248.866.131.416	5.632.367.328.080
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.410.405.509.244)	(1.425.513.183.512)
	<u>2.838.460.622.172</u>	<u>4.206.854.144.568</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Vietcombank	215.579.073.672	426.894.936.912
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", trước đây là "PVFC")	-	29.053.497.900
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.216.947.794.972	2.674.071.033.356
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	604.785.000.000	1.077.849.000.000
MB và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	984.365.462.772	1.124.575.659.912
Ngân hàng Standard Charter ("SCB")	227.188.800.000	299.923.200.000
	<u>4.248.866.131.416</u>	<u>5.632.367.328.080</u>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Dư nợ
				31/12/2013	31/12/2012
				VNĐ	VNĐ
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	215.579.073.672	426.894.936.912
PVFC	Giàn PVDrilling II	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	-	29.053.497.900
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	1.968.722.994.972	2.307.498.233.356
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	248.224.800.000	366.572.800.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	604.785.000.000	1.077.849.000.000
MB và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	984.365.462.772	1.124.575.659.912
SCB	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	227.188.800.000	299.923.200.000
				<u>4.248.866.131.416</u>	<u>5.632.367.328.080</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	1.410.405.509.244	1.425.513.183.512
Trong năm thứ hai	836.162.635.572	1.396.459.685.612
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.615.509.727.752	1.919.245.672.296
Sau năm năm	386.788.258.848	891.148.786.660
	<u>4.248.866.131.416</u>	<u>5.632.367.328.080</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.410.405.509.244)</u>	<u>(1.425.513.183.512)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.838.460.622.172</u>	<u>4.206.854.144.568</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	187.795.662.000	93.421.827.888
Số trích lập trong năm	139.768.716.468	94.655.491.156
Số quỹ đã sử dụng	(260.681.986)	(281.657.044)
Kết chuyển từ công ty con	45.837.615.306	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.957.788.796	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>375.099.100.584</u>	<u>187.795.662.000</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.755.286.950.000 đồng.

Cổ phần

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	275.528.695	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	270.580	348.480
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	275.258.115	210.159.735
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược và 2 triệu cổ phần cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho số vốn điều lệ tăng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(44.395.487.786)	789.943.240.255	306.272.087.019	181.700.252.018	1.385.665.034.420	6.106.397.507.780
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(315.239.602.500)	(315.239.602.500)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	30.512.410.588	-	-	-	-	30.512.410.588
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.524.783.752)	-	-	-	-	(1.524.783.752)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(23.945.072.724)	-	-	-	(23.945.072.724)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	75.853.805.620	42.269.113.836	1.044.712.360.152	1.044.712.360.152
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(232.500.402.156)	(114.377.482.700)
Tại ngày 31/12/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	765.998.167.531	382.125.892.639	223.969.365.854	1.882.637.389.916	6.726.535.336.844
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000)
Tăng vốn trong năm	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	-	-	-	-	1.463.919.696.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	63.381.590.997	-	-	-	63.381.590.997
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.612.016.060.610	1.612.016.060.610
Phân phối quỹ	-	-	-	-	123.408.580.075	61.704.279.570	(366.688.646.365)	(181.575.786.720)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	35.236.579.117	-	-	35.236.579.117
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	(3.444.307.759)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	829.379.758.528	537.326.744.072	285.673.645.424	2.627.522.369.161	9.469.275.841.848

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được công đồng xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 10% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền 250.237.635.000 đồng tương đương 11.837.164 đô la Mỹ. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 250.204.800.000 đồng tương đương 11.846.818 đô la Mỹ từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ-KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính riêng VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	17.715.858.041	764.129.643.266	8.097.738.948	789.943.240.255
Phát sinh trong năm	(19.607.979.072)	3.760.645.296	(8.097.738.948)	(23.945.072.724)
Tại ngày 31/12/2012	(1.892.121.031)	767.890.288.562	-	765.998.167.531
Phát sinh trong năm	(5.452.876.645)	68.834.467.642	-	63.381.590.997
Tại ngày 31/12/2013	(7.344.997.676)	836.724.756.204	-	829.379.758.528

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	7.958.188.653.170	5.567.112.412.616
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	1.823.520.209.305	1.468.090.884.996
	<u>9.781.708.862.475</u>	<u>7.035.203.297.612</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	6.253.246.419.235	4.393.306.004.836
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	1.521.532.373.735	1.112.143.989.068
	<u>7.774.778.792.970</u>	<u>5.505.449.993.904</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.158.130.810	185.441.806.408
Chi phí nhân công	2.334.018.383.895	2.026.033.119.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.683.398.550	663.868.089.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.965.455.372.130	2.875.482.604.624
Chi phí khác	301.548.409.920	251.402.062.092
	<u>8.433.863.695.305</u>	<u>6.002.227.682.084</u>

500
NH.
NG
NIÊN
01
TN
P.F

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.797.077.475	13.722.819.392
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	377.930.385.470	286.518.007.608
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	160.876.117.055	40.350.896.692
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.126.816.165	1.667.885.412
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.299.559.945	16.075.383.648
	<u>614.029.956.110</u>	<u>358.334.992.752</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	113.622.891.155	184.239.489.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.600.273.975	44.147.341.220
Chi phí tài chính khác	20.234.368.355	16.266.168.128
	<u>185.457.533.485</u>	<u>244.652.998.628</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.775.027.505.795	1.158.041.048.912
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(544.177.962.955)	(326.868.898.052)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	-	(3.395.030.233)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	21.029.144.695	24.122.410.790
Thu nhập chịu thuế	<u>1.251.878.687.535</u>	<u>851.899.531.417</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	156.484.833.325	107.485.976.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	3.768.739.635	5.842.712.216
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>160.253.572.960</u>	<u>113.328.688.760</u>

Tổng Công ty được được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

102-C
 H
 Y
 T
 U
 H
 A
 T
 E
 M
 C
 H
 I

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi.***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	4.248.866.131.416	5.959.351.744.468
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1.798.571.415.732</u>	<u>271.101.871.816</u>
Nợ thuần	2.450.294.715.684	5.688.249.872.652
Vốn chủ sở hữu	<u>9.469.275.841.848</u>	<u>6.726.535.336.844</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>26%</u>	<u>85%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.798.571.415.732	271.101.871.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.894.149.813.980	2.072.095.261.948
Các khoản đầu tư khác	15.779.124.636	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	<u>13.744.585.824</u>	<u>14.426.868.276</u>
Tổng cộng	<u>4.722.244.940.172</u>	<u>2.390.848.577.704</u>
Các khoản vay và nợ	4.248.866.131.416	5.959.351.744.468
Phải trả người bán và phải trả khác	732.289.076.352	970.674.839.444
Chi phí phải trả	<u>1.196.487.816.780</u>	<u>506.385.602.924</u>
Tổng cộng	<u>6.177.643.024.548</u>	<u>7.436.412.186.836</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
VND	331.097.893.827	391.667.894.844	2.391.902.719.408	992.653.857.208
DZD	17.310.581.845	23.654.984.440	53.341.575.481	34.929.430.776
SGD	6.954.539.839	10.247.292.688	322.292.135	249.477.784
EUR	2.286.507.421	5.377.602.148	176.696.720	185.140.092
Norwegian krone (NOK)	74.818.057	768.761.480	-	-
Bạt Thái (THB)	-	294.237.156	-	-
GBP	1.252.548.240	604.699.324	247.354.541	-
Đô la Úc (AUD)	617.590.465	-	-	-

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 41.216.087.232 đồng (năm 2012: 12.019.719.247 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 12.746.595.912 đồng (năm 2012: 16.897.101.984 đồng).

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

2012
CHI
CỘ
TÍNH
DEI
VIỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi*

31/12/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.798.571.415.732	-	-	1.798.571.415.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.894.149.813.980	-	-	2.894.149.813.980
Các khoản đầu tư khác	-	9.979.120.788	5.800.003.848	15.779.124.636
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.026.430.584	12.718.155.240	-	13.744.585.824
Tổng cộng	4.693.747.660.296	22.697.276.028	5.800.003.848	4.722.244.940.172
Các khoản vay và nợ	1.410.405.509.244	2.451.672.363.324	386.788.258.848	4.248.866.131.416
Phải trả người bán và phải trả khác	732.289.076.352	-	-	732.289.076.352
Chi phí phải trả	1.196.487.816.780	-	-	1.196.487.816.780
Tổng cộng	3.339.182.402.376	2.451.672.363.324	386.788.258.848	6.177.643.024.548
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.354.565.257.920	(2.428.975.087.296)	(380.988.255.000)	(1.455.398.084.376)
31/12/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.101.871.816	-	-	271.101.871.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.072.095.261.948	-	-	2.072.095.261.948
Các khoản đầu tư khác	-	10.006.248.400	23.218.327.264	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	982.477.588	13.444.390.688	-	14.426.868.276
Tổng cộng	2.344.179.611.352	23.450.639.088	23.218.327.264	2.390.848.577.704
Các khoản vay và nợ	1.752.497.599.900	3.315.705.357.908	891.148.786.660	5.959.351.744.468
Phải trả người bán và phải trả khác	970.674.839.444	-	-	970.674.839.444
Chi phí phải trả	506.385.602.924	-	-	506.385.602.924
Tổng cộng	3.229.558.042.268	3.315.705.357.908	891.148.786.660	7.436.412.186.836
Chênh lệch thanh khoản thuần	(885.378.430.916)	(3.292.254.718.820)	(867.930.459.396)	(5.045.563.609.132)

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi***31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>13.366.830.020</u>	<u>15.461.999.048</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	13.419.958.272	12.996.567.860
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>14.961.202.884</u>	<u>24.372.279.932</u>
	<u>28.381.161.156</u>	<u>37.368.847.792</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê văn phòng của Tổng công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

32. CAM KẾT VỐN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với PVD Tech nhằm nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của PVD Tech tại Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.244.248.214.995	547.022.176.464
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	684.972.976.790	80.253.783.104
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	2.083.005.682.265	1.232.139.908.080
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>72.742.362.995</u>	<u>58.896.960.184</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	188.044.911.070	46.332.864.916
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	382.892.064.210	173.279.858.164
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>637.219.530</u>	<u>-</u>
Vay từ PVcomBank		
Lãi vay đã trả	251.554.960	1.153.829.544
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>29.202.754.875</u>	<u>29.053.497.900</u>

002
HH
CY
HUU
TE
AM
5C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

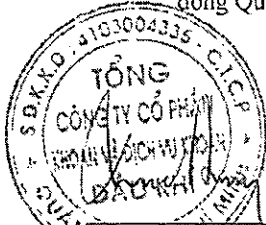
	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Lương	5.411.898.000	6.352.841.524
Tiền thưởng	1.053.323.000	5.971.830.577
Các khoản phúc lợi khác	306.380.000	248.150.000
	<u>6.771.601.000</u>	<u>12.572.822.101</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	672.904.259.028	79.538.547.961
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	1.471.962.567.036	2.064.792.944.320
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	659.173.346.604	968.875.121.768
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	36.713.668.008	117.636.683.072
	<u>678.849.850.676</u>	<u>3.169.833.296.121</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	82.460.425.812	61.798.087.876
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	166.652.619.288	141.953.379.796
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	96.429.024	2.058.362.924
	<u>245.542.074.124</u>	<u>205.810.830.596</u>
Các khoản vay phải trả		
PVcomBank	-	29.053.497.900
	<u>-</u>	<u>29.053.497.900</u>
Lãi vay phải trả		
PVcomBank	-	92.205.973
	<u>-</u>	<u>92.205.973</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	-	270.418.880
	<u>-</u>	<u>270.418.880</u>

34. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 13 tháng 3 năm 2014



Phạm Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương

Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng

Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng

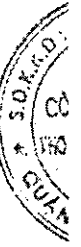
Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 30

6 / 0 2 3 4 15-1



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

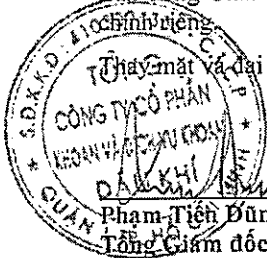
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

0001
CH
C
RÁCH
DE
VI
Y7

Số: 331 IVNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

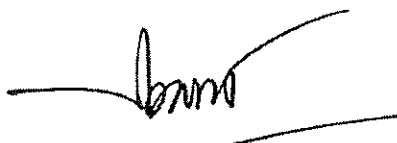
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo




Nguyễn Thị Thu Sang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		243.621.607		131.404.824	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	85.499.687		13.016.222	
1. Tiền	111		23.706.574		9.880.103	
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.793.113		3.136.119	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.170.781		101.581.129	
1. Phải thu khách hàng	131		107.745.175		89.518.665	
2. Trả trước cho người bán	132		2.589.976		2.095.088	
3. Các khoản phải thu khác	135	6	29.845.198		9.976.944	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.568)		(9.568)	
III. Hàng tồn kho	140	7	15.650.271		13.952.865	
1. Hàng tồn kho	141		15.650.271		13.952.865	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.300.868		2.854.608	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.179.126		1.507.250	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		818.116		1.067.602	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		303.626		279.756	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		542.750.902		574.890.932	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.344.941		99.135.440	
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	40.344.941		99.135.440	
II. Tài sản cố định	220		403.999.461		431.664.212	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	396.828.885		423.642.959	
- Nguyên giá	222		546.200.156		542.713.015	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.371.271)		(119.070.056)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	7.155.062		6.875.208	
- Nguyên giá	228		10.066.245		9.173.931	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.911.183)		(2.298.723)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	15.514		1.146.045	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		96.070.362		35.203.114	
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	63.539.006		27.208.671	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	31.781.255		6.399.255	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	1.589.148		1.595.188	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(839.047)		-	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.336.138		8.888.166	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.731.548		8.110.935	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		131.735	
3. Tài sản dài hạn khác	268		604.590		645.496	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		786.372.509		706.295.756	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

22-11-2013
H
Y
JUB
IE
M

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

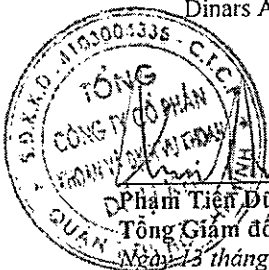
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2013	31/12/2012
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		336.226.291	383.339.383
I. Nợ ngắn hạn	310		183.411.686	171.697.985
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	67.047.229	84.141.425
2. Phải trả người bán	312		30.287.386	39.089.570
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	12.500.111	9.571.162
4. Phải trả người lao động	315		3.135.167	2.005.035
5. Chi phí phải trả	316	17	56.878.105	24.312.733
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	4.523.846	7.514.753
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	19	3.587.365	3.448.635
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.452.477	1.614.672
II. Nợ dài hạn	330		152.814.605	211.641.398
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	134.933.477	201.980.706
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	527.913
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		49.834	116.279
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	21	17.831.294	9.016.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		450.146.218	322.956.373
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	450.146.218	322.956.373
1. Vốn điều lệ	411		148.114.675	117.333.602
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.400.152	77.037.828
3. Cổ phiếu quỹ	414		(629.308)	(810.486)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(216.391)	44.076
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		27.413.843	20.036.973
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.680.782	11.733.360
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		133.382.465	97.581.020
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		786.372.509	706.295.756
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại				
Đồng Việt Nam ("VND")			1.534.887.266.197	148.087.024.802
Đồng Euro ("EUR")			6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")			7.145	-
Đô la Singapore ("SGD")			19.751	13.289
Dinars Algeria ("DZD")			64.744.136	63.593.207

CHỖ CHỮ KÝ



Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 13 tháng 3 năm 2014

[Signature]
 Hồ Ngọc Yên Phương
 Phó Tổng Giám đốc

[Signature]
 Đoàn Đức Tùng
 Kế toán trưởng

[Signature]
 Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

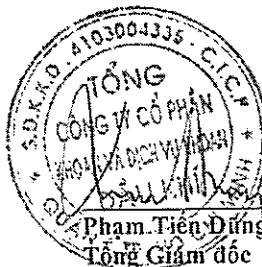
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2013	2012
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	467.241.885	337.776.229
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		467.241.885	337.776.229
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	371.377.062	264.329.268
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		95.864.823	73.446.961
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	29.330.306	17.204.484
6. Chi phí tài chính	22	27	8.858.731	11.746.351
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.427.413	8.845.760
7. Chi phí bán hàng	24		1.058.858	850.564
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.423.583	23.000.871
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		84.853.957	55.053.659
10. Thu nhập khác	31		395.570	556.732
11. Chi phí khác	32		461.970	10.187
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(66.400)	546.545
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		84.787.557	55.600.204
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	7.654.816	5.441.170
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		131.735	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>77.001.006</u>	<u>50.159.034</u>

Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.787.557		55.600.204	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	31.654.330		31.873.828	
Các khoản dự phòng	03	839.047		352.398	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(292.659)		14.070	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(28.068.000)		(16.287.894)	
Chi phí lãi vay	06	5.427.413		8.845.760	
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	94.347.688		80.398.366	
Biến động các khoản phải thu	09	(3.418.477)		(5.697.590)	
Biến động hàng tồn kho	10	(1.697.406)		(2.223.995)	
Biến động các khoản phải trả	11	35.504.471		43.974.669	
Biến động chi phí trả trước	12	6.863.774		(1.709.176)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.250.970)		(9.697.605)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.058.791)		(4.183.484)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.390.280)		(3.465.438)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	111.900.009		97.395.747	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.805.782)		(5.433.496)	
2. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(26.820.091)		(4.750.980)	
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.622.556		7.984.928	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.003.317)		(2.199.548)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	69.296.579		-	
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-		(72.540)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.000.000		53.676.979	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(99.141.425)		(134.715.421)	
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(11.823.511)		(14.989.067)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.668.357)		(96.100.049)	
Lưu chuyển tiền trong năm (50=20+30+40)	50	72.228.335		(903.850)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.016.222		13.825.923	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	255.130		94.149	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	<u>85.499.687</u>		<u>13.016.222</u>	

1125
CHI I
CỔN
CHNH
DELI
VIỆT
1 - TT

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 517.065 đô la Mỹ (2012: 560 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác đã bao gồm 560 đô la Mỹ (2012: 2.423.711 đô la Mỹ) giá trị tài sản mua sắm trong năm trước được thanh toán trong năm nay.

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 16.154.942 đô la Mỹ (2012: 9.414.376 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 9.414.376 đô la Mỹ (2012: 7.315.543 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 597.052 đô la Mỹ (2012: 65.730 đô la Mỹ) là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 76.251 đô la Mỹ (2012: 76.251 đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 3.182.887 đô la Mỹ (2012: 13.888.211 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác không bao gồm số tiền 34.892.244 đô la Mỹ là tiền đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD bằng cách cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của cổ đông không bao gồm số tiền 11.846.818 đô la Mỹ là cổ tức năm 2012 đã trả cho cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.



Phạm Biên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

3-00
IÁNI
TY
KHU
ITT
NAR
HOC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố đầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính

2013
CHI
CỘ
ÁCHN
DEI
VIỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh.

00-01
NHÂN
G T)
EM HU
DIT
NA
HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÁU B'09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá vốn ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư 89.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MAU B-09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

cáo. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật đảm bảo hoạt động của các giàn khoan phải được sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm một lần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, ITTA Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MAU B.09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	140.359	65.527
Tiền gửi ngân hàng	23.566.215	9.814.576
Các khoản tương đương tiền	61.793.113	3.136.119
	<u>85.499.687</u>	<u>13.016.222</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mã số thuế: 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con	25.039.749	7.358.620
Phải thu chi phí trả hộ từ công ty liên doanh PVD-Baker Hughes	75.927	77.093
Phải thu chi phí trả hộ từ công ty liên doanh PV Drilling Overseas	39.885	-
Phải thu lãi tiền gửi	597.052	65.730
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	3.841.663	2.055.757
Các khoản phải thu khác	<u>250.922</u>	<u>419.744</u>
	<u><u>29.845.198</u></u>	<u><u>9.976.944</u></u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	29.600	39.627
Nguyên liệu, vật liệu	15.562.075	13.891.244
Công cụ, dụng cụ	<u>58.596</u>	<u>21.994</u>
	<u><u>15.650.271</u></u>	<u><u>13.952.865</u></u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD ("PVD DeepWater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc USD	Máy móc, thiết bị USD	Thiết bị văn phòng USD	Phương tiện vận tải USD	Tài sản khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	11.428.967	526.821.141	2.576.202	1.837.662	49.043	542.713.015
Tăng trong năm	516.799	3.405.795	219.362	-	-	4.141.956
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	412.579	5.688	-	-	418.267
Phân loại lại	(7.398)	(21.184)	(536.638)	(4.110)	-	(569.330)
Thanh lý	-	-	(103.477)	-	-	(103.477)
Chênh lệch tỷ giá	(21.278)	(378.180)	(674)	(143)	-	(400.275)
Tại ngày 31/12/2013	<u>11.917.090</u>	<u>530.240.151</u>	<u>2.160.463</u>	<u>1.833.409</u>	<u>49.043</u>	<u>546.200.156</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	1.977.129	114.117.528	1.801.116	1.157.447	16.836	119.070.056
Khấu hao trong năm	345.848	30.029.732	402.409	251.373	12.261	31.041.623
Phân loại lại	(4.909)	(14.312)	(393.021)	(825)	-	(413.067)
Thanh lý	-	-	(103.477)	-	-	(103.477)
Chênh lệch tỷ giá	(20.173)	(202.989)	(561)	(141)	-	(223.864)
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.297.895</u>	<u>143.929.959</u>	<u>1.706.466</u>	<u>1.407.854</u>	<u>29.097</u>	<u>149.371.271</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u>9.619.195</u>	<u>386.310.192</u>	<u>453.997</u>	<u>425.555</u>	<u>19.946</u>	<u>396.828.885</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.451.838</u>	<u>412.703.613</u>	<u>775.086</u>	<u>680.215</u>	<u>32.207</u>	<u>423.642.959</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 316.850.542 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 344.679.568 đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 3.899.129 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.820.300 đô la Mỹ).

Trong năm, Tổng Công ty có thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	6.121.918	1.451.355	1.600.658	9.173.931
Tăng trong năm	-	29.409	-	29.409
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	863.186	-	863.186
Chênh lệch tỷ giá	-	(281)	-	(281)
Tại ngày 31/12/2013	<u>6.121.918</u>	<u>2.343.669</u>	<u>1.600.658</u>	<u>10.066.245</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	490.470	1.058.536	749.717	2.298.723
Khấu hao trong năm	105.469	227.476	279.762	612.707
Chênh lệch tỷ giá	-	(247)	-	(247)
Tại ngày 31/12/2013	<u>595.939</u>	<u>1.285.765</u>	<u>1.029.479</u>	<u>2.911.183</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.525.979</u>	<u>1.057.904</u>	<u>571.179</u>	<u>7.155.062</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.631.448</u>	<u>392.819</u>	<u>850.941</u>	<u>6.875.208</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	-	458.176
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	8.176	265.517
Khác	7.338	422.352
	<u>15.514</u>	<u>1.146.045</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vicom Center, Số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

—Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD-Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD DeepWater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deep Water đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD DeepWater với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 34.892.244 đô la Mỹ tương đương với 664.000.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	31/12/2013				31/12/2012			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD DeepWater	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846
				<u>63.539.006</u>				<u>27.208.671</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MAU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD-Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan.

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	2.399.255	2.399.255
PVD-Baker Hughes	10.200.000	4.000.000
PVD Overseas	19.182.000	-
	<u><u>31.781.255</u></u>	<u><u>6.399.255</u></u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	1.114.765	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	474.383	480.423
	<u>1.589.148</u>	<u>1.595.188</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(839.047)	-
	<u><u>750.101</u></u>	<u><u>1.595.188</u></u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech, một công ty con của Tổng Công ty.

Trong năm Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí với mức trích lập dự phòng là phần chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	1.335.249	2.791.885
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	124.831	595.718
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling I	-	180.911
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	-	4.475.044
Chi phí trả trước dài hạn khác	271.468	67.377
	<u><u>1.731.548</u></u>	<u><u>8.110.935</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.223.738	4.712.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.716.226	2.120.201
Thuế thu nhập cá nhân	2.091.033	862.766
Các loại thuế khác	1.469.114	1.876.073
	<u>12.500.111</u>	<u>9.571.162</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng công ty như sau:

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.712.122	29.582.560	27.070.944	7.223.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.120.201	7.654.816	8.058.791	1.716.226
Thuế thu nhập cá nhân	862.766	22.829.673	21.601.406	2.091.033
Thuế môn bài	-	239	239	-
Các loại thuế khác	1.876.073	21.113.538	21.520.497	1.469.114
	<u>9.571.162</u>	<u>81.180.826</u>	<u>78.251.877</u>	<u>12.500.111</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan	46.440.166	20.279.866
Trích trước chi phí lãi vay	1.649.803	2.594.227
Trích trước phí quản lý Petro Việt Nam	844.745	372.029
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.437.287	-
Các khoản khác	506.104	1.066.611
	<u>56.878.105</u>	<u>24.312.733</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải trả nội bộ cho các công ty con	3.143.985	6.815.507
Các khoản phải trả khác	1.115.092	445.389
Cổ tức phải trả	264.769	253.857
	<u>4.523.846</u>	<u>7.514.753</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay ngắn hạn	-	15.699.271
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>67.047.229</u>	<u>68.442.154</u>
	<u>67.047.229</u>	<u>84.141.425</u>

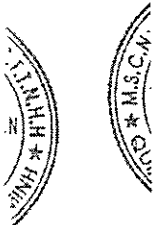
Vay dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay dài hạn	201.980.706	270.422.860
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(67.047.229)</u>	<u>(68.442.154)</u>
	<u>134.933.477</u>	<u>201.980.706</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng Vietcombank	10,248,102	20,496,204
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", trước đây là "PVFC")	-	1,394,925
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	105,388,277	128,388,277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	28,750,000	51,750,000
MB và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	46,794,327	53,993,454
Ngân hàng Standard Charter ("SCB")	<u>10,800,000</u>	<u>14,400,000</u>
	<u>201,980,706</u>	<u>270,422,860</u>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Dư nợ
				31/12/2013	31/12/2012
				<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	10.248.102	20.496.204
PVcomBank	Giàn PVDrilling II	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	-	1.394.925
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	93.588.277	110.788.277
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	11.800.000	17.600.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	28.750.000	51.750.000
MB và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	46.794.327	53.993.454
SCB	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	<u>10.800.000</u>	<u>14.400.000</u>
				<u>201.980.706</u>	<u>270.422.860</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Trong vòng một năm	67.047.229	68.442.154
Trong năm thứ hai	39.749.127	67.047.229
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	76.797.382	92.147.382
Sau năm năm	18.386.968	42.786.095
	<u>201.980.706</u>	<u>270.422.860</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(67.047.229)</u>	<u>(68.442.154)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>134.933.477</u>	<u>201.980.706</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2013	2012
	USD	USD
Tại ngày 01 tháng 01	9.016.500	4.485.396
Số trích lập trong năm	6.644.263	4.544.627
Số quỹ đã sử dụng	(12.343)	(13.523)
Kết chuyển từ công ty con	2.182.874	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>17.831.294</u>	<u>9.016.500</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.755.286.950.000 đồng.

Cổ phần

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	275.528.695	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	270.580	348.480
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	275.258.115	210.159.735
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

001
 CH
 C
 ÁCH
 DI
 V
 /
 /
 /

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược và 2 triệu cổ phần cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho số vốn điều lệ tăng thêm.

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Cổ phiếu quỹ USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Lợi nhuận chưa phân phối USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2012	117.333.602	77.037.828	(2.342.963)	1.374.291	16.395.058	9.703.923	73.680.396	293.182.135
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(15.095.533)	(15.095.533)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	1.605.017	-	-	-	-	1.605.017
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(72.540)	-	-	-	-	(72.540)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.330.215)	-	-	-	(1.330.215)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	50.159.034	50.159.034
Phân phối quỹ	-	-	-	-	3.641.915	2.029.437	(11.162.877)	(5.491.525)
Tại ngày 31/12/2012	<u>117.333.602</u>	<u>77.037.828</u>	<u>(810.486)</u>	<u>44.076</u>	<u>20.036.973</u>	<u>11.733.360</u>	<u>97.581.020</u>	<u>322.956.373</u>
Cổ tức công bố	11.846.818	-	-	-	-	-	(23.683.982)	(11.837.164)
Tặng vốn trong năm	18.934.255	50.362.324	-	-	-	-	-	69.296.579
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(260.467)	-	-	-	(260.467)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	77.001.006	77.001.006
Phân phối quỹ	-	-	-	-	5.894.845	2.947.422	(17.515.579)	(8.673.312)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	1.663.203	-	-	1.663.203
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	181.178	-	(181.178)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>148.114.675</u>	<u>127.400.152</u>	<u>(629.308)</u>	<u>(216.391)</u>	<u>27.413.843</u>	<u>14.680.782</u>	<u>133.382.465</u>	<u>450.146.218</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 10% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền 11.837.164 đô la Mỹ tương đương 250.237.635.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 11.846.818 đô la Mỹ tương đương 250.204.800.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ USD	Tổng cộng USD
Tại ngày 01/01/2012	985.500	388.791	1.374.291
Phát sinh trong năm	(941.424)	(388.791)	(1.330.215)
Tại ngày 31/12/2012	44.076	-	44.076
Phát sinh trong năm	(260.467)	-	(260.467)
Tại ngày 31/12/2013	<u>(216.391)</u>	<u>-</u>	<u>(216.391)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	USD	USD
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	380.137.982	267.289.822
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	87.103.903	70.486.407
	<u>467.241.885</u>	<u>337.776.229</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	USD	USD
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	298.698.181	210.932.687
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	72.678.881	53.396.581
	<u>371.377.062</u>	<u>264.329.268</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	USD	USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.127.926	8.903.486
Chi phí nhân công	111.488.817	97.274.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.654.330	31.873.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.184.398	138.058.508
Chi phí khác	14.404.032	12.070.389
	<u>402.859.503</u>	<u>288.180.703</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.330.885	658.864
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	18.052.562	13.756.386
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	7.684.553	1.937.339
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	292.659	80.079
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	969.647	771.816
	<u>29.330.306</u>	<u>17.204.484</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	USD	USD
Chi phí lãi vay	5.427.413	8.845.760
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.464.785	2.119.615
Chi phí tài chính khác	966.533	780.976
	<u>8.858.731</u>	<u>11.746.351</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.787.557	55.600.204
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(25.993.693)	(15.693.725)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	-	(163.003)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>1.004.497</u>	<u>1.158.172</u>
Thu nhập chịu thuế	59.798.361	40.901.648
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.474.795	5.160.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	<u>180.021</u>	<u>280.522</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.654.816</u>	<u>5.441.170</u>

Tổng Công ty được được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay	201.980.706	286.122.131
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>85.499.687</u>	<u>13.016.222</u>
Nợ thuần	116.481.019	273.105.909
Vốn chủ sở hữu	<u>450.146.218</u>	<u>322.956.373</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>26%</u>	<u>85%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.499.687	13.016.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.580.805	99.486.041
Các khoản đầu tư khác	750.101	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	653.384	692.667
Tổng cộng	224.483.977	114.790.118
Các khoản vay và nợ	201.980.706	286.122.131
Phải trả người bán và phải trả khác	34.811.232	46.604.323
Chi phí phải trả	56.878.105	24.312.733
Tổng cộng	293.670.043	357.039.187

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD	USD	USD
VNĐ	15.739.584	18.804.873	113.705.206	47.659.586
DZD	822.903	1.135.730	2.535.728	1.677.042
SGD	330.602	491.996	15.321	11.978
EUR	108.695	258.191	8.400	8.889
Norwegian Krone (NOK)	3.557	36.910	-	-
Bạt Thái (THB)	-	14.127	-	-
Bảng Anh (GBP)	59.543	29.033	11.759	-
Đô la Úc (AUD)	29.359	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 1.959.312 đô la Mỹ (năm 2012: 577.094 đô la Mỹ).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 605.942 đô la Mỹ (năm 2012: 811.269 đô la Mỹ)

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

11/12/2013 - 01:01

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MAUB 09/DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.499.687	-	-	85.499.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.580.805	-	-	137.580.805
Các khoản đầu tư khác	-	474.383	275.718	750.101
Các khoản ký quỹ, ký cược	48.794	604.590	-	653.384
Tổng cộng	223.129.286	1.078.973	275.718	224.483.977
Các khoản vay và nợ	67.047.229	116.546.509	18.386.968	201.980.706
Phải trả người bán và phải trả khác	34.811.232	-	-	34.811.232
Chi phí phải trả	56.878.105	-	-	56.878.105
Tổng cộng	158.736.566	116.546.509	18.386.968	293.670.043
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.392.720	(115.467.536)	(18.111.250)	(69.186.066)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MAU-B-09/ĐN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	USD	USD
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	59.433.877	70.703.493
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	32.719.034	32.714.194
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	99.498.719	132.320.116
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>3.474.677</u>	<u>2.827.778</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	8.982.322	13.963.783
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	18.289.566	17.293.319
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>30.438</u>	<u>3.050</u>
Vay từ PVcomBank		
Lãi vay đã trả	12.016	89.165
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>1.394.925</u>	<u>2.789.850</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	USD	USD
Lương	258.510	305.014
Tiền thưởng	50.314	286.721
Các khoản phúc lợi khác	14.635	11.914
	<u>323.459</u>	<u>603.649</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	31.988.223	3.818.828
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	65.384.690	99.135.440
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	31.335.489	46.505.271
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>1.745.278</u>	<u>5.648.007</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	3.919.967	2.967.068
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	3.143.985	6.815.507
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>4.584</u>	<u>98.827</u>
Các khoản vay phải trả		
PVcomBank	-	<u>1.394.925</u>
Lãi vay phải trả		
PVcomBank	-	<u>4.427</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	-	<u>12.983</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

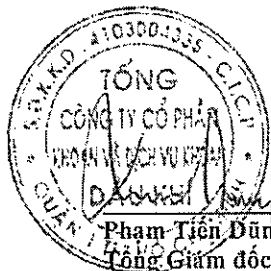
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 13 tháng 3 năm 2014.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

